

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HAVINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HAVINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAVINA TRADE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109643908

3. Ngày thành lập: 21/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5 Ngõ 135 Ngách 135/24 Đường Nguyễn Văn C, Phường Ngạc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941680888

Fax:

Email: anminhvn68@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu đồ nội thất Chi tiết: - Bán lẻ đồ gỗ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu đồ nội thất - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phào trang và sản phẩm lưu đồ nội thất - Bán lẻ đồ nội gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trang trí, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu đồ nội thất	4784

2.	Ho t đ ng ki n trúc và t v n k thu t có liên quan Chi ti t: - T v n giám sát thi công xây d ng công trình, ki m đ nh xây d ng (Đi u 155 c a Lu t Xây d ng năm 2014) - T v n giám sát thi công công trình đ ng dây và tr m bi n áp (Đi u 44 Ngh đ nh 137/2013/NĐ-CP) - Thi t k ki n trúc công trình; - Thi t k k t c u công trình dân d ng - công nghi p; - Thi t k c - đi n công trình; - Thi t k c p - thoát n c công trình; - Thi t k xây d ng công trình giao thông; thi t k xây d ng công trình nông nghi p và phát tri n nông thôn; thi t k xây d ng công trình h t ng k thu t. (Kho n 8 đi u 1 Ngh đ nh 100/2018/NĐ-CP) - Giám sát công tác xây d ng: - Giám sát công tác xây d ng công trình dân d ng - công nghi p và h t ng k thu t; - Giám sát công tác xây d ng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây d ng công trình nông nghi p và phát tri n nông thôn. - Giám sát công tác l p đ t thi t b vào công trình (Kho n 9 đi u 1 Ngh đ nh 100/2018/NĐ-CP)	7110
3.	Ho t đ ng d ch v h tr kinh doanh khác còn l i ch a đ c phân vào đâu Chi ti t: Xu t nh p kh u các m t hàng công ty kinh doanh (Đi u 28 Lu t th ng m i)	8299
4.	D ch v t m h i, massage và các d ch v tăng c ng s c kho t ng t (tr ho t đ ng th thao)	9610
5.	Bán l l ng th c, th c ph m, đ u ng, thu c lá, thu c lão chi m t tr ng l n trong các c a hàng kinh doanh t ng h p	4711
6.	Ch bi n, b o qu n th t và các s n ph m t th t	1010
7.	Ch bi n, b o qu n thu s n và các s n ph m t thu s n	1020
8.	Ch bi n và b o qu n rau qu	1030
9.	S n xu t các lo i bánh t b t	1071
10.	S n xu t đ ng	1072
11.	S n xu t ca cao, sôcôla và bánh k o	1073
12.	S n xu t mì ng, mỳ s i và s n ph m t ng t	1074
13.	S n xu t chè	1076
14.	S n xu t cà phê	1077
15.	S n xu t th c ph m khác ch a đ c phân vào đâu Chi ti t: S n xu t th c ph m ch c năng (Đi u 8 NĐ s 67/2016/NĐ-CP)	1079
16.	Xây d ng nhà đ	4101
17.	Xây d ng nhà không đ	4102

18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212(Chính)
19.	Xây dựng công trình đi bộ	4221
20.	Xây dựng công trình cầu, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Xây dựng công trình chiếu sáng, chiếu sáng	4293
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
25.	Pháo đài	4311
26.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27.	Lắp đặt hệ thống đi bộ	4321
28.	Lắp đặt hệ thống cầu, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
29.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công xây dựng công trình (Điều 157 Luật Xây dựng 2014, Khoản 56 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2020) - Thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp (Điều 38 Nghị định 137/2013/NĐ-CP)	4329
30.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31.	Hỗ trợ xây dựng chuyên dụng khác	4390
32.	Đi lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đi lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
33.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trứng, tre, nứa) và động vật sống (Trên địa bàn nhà sản xuất)	4620
34.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
35.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Kinh doanh thực phẩm chế biến sẵn (Điều 14 Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12)	4632

36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ dùng gia dụng, đèn và bóng đèn điện - Bán buôn giấy, gỗ, bàn ghế và đồ dùng nội thất khác	4649
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
38.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng) Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép	4662
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chôn - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ nội kim	4663
40.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại khác)	4690
41.	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ uống, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mì, kẹo và các sản phẩm chế biến tinh chế, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ nội kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu dệt may và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
45.	Bán lẻ đồ dùng gia dụng, giấy, gỗ, bàn, ghế và đồ nội thất khác, đèn và bóng đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

46.	Bán lẻ nông sản, thực phẩm, đồ uống, thực phẩm, thực phẩm chế biến Chi tiết: - Bán lẻ nông sản chế biến - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đồ ăn sẵn - Bán lẻ đồ uống chế biến - Bán lẻ sản phẩm thực phẩm, thực phẩm chế biến - Bán lẻ thực phẩm gia súc, gia cầm, thủy sản, đông lạnh chế biến - Bán lẻ thực phẩm thủy sản, đông lạnh chế biến - Bán lẻ rau quả chế biến - Bán lẻ thực phẩm chế biến	4781
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phiếu:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN QUÂN	Số 5/135/24 Phố Nguyễn Văn C, Phường Ng c Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	024082000131	
			Cổ phần ưu đãi bị ưu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi đặc biệt	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		

2	NGUYỄN TH THU HIỀN	Số 13 Ngách 63/8 Đường Nguyễn Cao, Phường Đường Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ph thông	60.000	600.000.000	30,000	0241890009 81	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		
3	NGUYỄN TH HỒNG	Phòng 406 Nhà C3, tầng 10, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ph thông	60.000	600.000.000	30,000	0241830013 44	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý cá nhân: 024082000131

Ngày cấp: 20/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 5/135/24 Phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 5/135/24 Phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội